

Số: 94 /KSBT-NS

Thái Bình, ngày 16 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả giám sát ngoại kiểm (đột xuất) chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:

- Tên cơ sở cấp nước: Cơ sở cấp nước xã Hòa Bình.
- Địa chỉ: Thôn Việt Hưng - Xã Hoà Bình - Huyện Kiến Xương - Thái Bình.
- Đơn vị chủ quản: Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Luật.
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Dục Dương.

II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Ngày 07/8/2024, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với UBND xã Hoà Bình thực hiện hoạt động giám sát ngoại kiểm đột xuất chất lượng nước sạch của cơ sở cấp nước xã Hòa Bình, cụ thể như sau:

Tổng số: 03 mẫu nước

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Bà Lương Thị Nụ - Thôn Nam Tiên - Hoà Bình - Kiến Xương - Thái Bình.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Bà Lương Thị Len - Thôn Nam Tiên - Hoà Bình - Kiến Xương - Thái Bình.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 thông số: 28 thông số về hóa, lý và 04 thông số về Vi sinh vật, kết quả cụ thể như sau:

2. Kết quả thử nghiệm (Kết quả số: 896/2024KQTN-XN ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình):

a) Về thông số hóa, lý:

TT	Thông số thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	< 2,0 ^(a)	< 2,0 ^(a)	< 2,0 ^(a)	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục	TCVN 12402-2:2022	NTU	0,64	0,71	0,75	2

TT	Thông số thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,35	7,37	7,34	Trong khoảng 6,0-8,5
5.	Hàm lượng Asen (As) (*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	$<0,65 \times 10^{-3(b)}$	$<0,65 \times 10^{-3(b)}$	$<0,65 \times 10^{-3(b)}$	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư (*)	TCVN 6225-2:2021	mg/L	1,0	0,2	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0
7.	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	$<0,009^{(b)}$	$<0,009^{(b)}$	$<0,009^{(b)}$	0,3
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	$<2,0 \times 10^{-3(b)}$	$<2,0 \times 10^{-3(b)}$	$<2,0 \times 10^{-3(b)}$	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	$<0,15^{(b)}$	$<0,15^{(b)}$	$<0,15^{(b)}$	0,7
10.	Hàm lượng Cadimi (*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	$<0,33 \times 10^{-3(b)}$	$<0,33 \times 10^{-3(b)}$	$<0,33 \times 10^{-3(b)}$	0,003
11.	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,608	0,576	0,64	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	28,4	15,6	15,6	250 (hoặc 300)
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	$<0,67 \times 10^{-3(b)}$	$<0,67 \times 10^{-3(b)}$	$<0,67 \times 10^{-3(b)}$	0,05
14.	Hàm lượng Đồng (*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	96	94	94	300
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số (*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,1^{(a)}$	$<0,1^{(a)}$	$<0,1^{(a)}$	0,1
18.	Hàm lượng Natri (*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	15,2	12,3	12,3	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,786	1,03	1,06	2
20.	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	$<0,003^{(b)}$	$<0,003^{(b)}$	$<0,003^{(b)}$	0,05
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	$<0,03^{(b)}$	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	17,6	29,7	30,0	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	$<0,3 \times 10^{-3(b)}$	$<0,3 \times 10^{-3(b)}$	$<0,3 \times 10^{-3(b)}$	0,001
24.	Tổng chất rắn hòa	SMEWW2540C:2017	mg/L	176	168	172	1000

TT	Thông số thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
	tan						
25.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	$<1,6 \times 10^{-3(b)}$	$<1,6 \times 10^{-3(b)}$	$<1,6 \times 10^{-3(b)}$	0,01
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2017	mg/L	$<0,02^{(b)}$	$<0,02^{(b)}$	$<0,02^{(b)}$	0,07
27.	Hàm lượng Florua	SMEWW4500D:2017	mg/L	1,17	$<0,3^{(a)}$	$<0,3^{(a)}$	1,5
28.	Hàm lượng Sulfua	EPA 376.2	mg/L	$<0,01^{(b)}$	$<0,01^{(b)}$	$<0,01^{(b)}$	0,05

b) Thông số vi sinh:

TT	Thông số thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Coliform ^(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<3
2.	E.coli ^(*)	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
4.	P. aeruginosa ^(*)	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/100ml

III. Nhận xét

1. Về kết quả xét nghiệm các thông số Hóa, Lý: Có 28/28 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép.

2. Về kết quả xét nghiệm các thông số Vi sinh vật: Có 4/4 thông số đạt tiêu chuẩn cho phép.

IV. Kiến nghị

1. Đối với Cơ sở cấp nước xã Hòa Bình - Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Luật:

- Thông báo kết quả giám sát tới các hộ gia đình, nhất là những hộ gia đình được giám sát,

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng, bảo quản nguồn nước tại hộ gia đình đảm bảo vệ sinh, thường xuyên vệ sinh dụng cụ chứa nước.

- Thực hiện công khai kết quả nội kiểm, kết quả ngoại kiểm theo quy định hiện hành.

- Tăng cường công tác nội kiểm của cơ sở cấp nước, kiểm soát chặt chẽ nguồn nước nguyên liệu (nước sông), nhất là những thời điểm mùa mưa, bão, ... để có kế hoạch xử lý cho phù hợp.

- Thường xuyên rà soát hệ thống sản xuất, quy trình sản xuất, định kỳ có kế hoạch vệ sinh đường ống cấp nước tới các hộ gia đình.

- Đối với các thông số có tính chất hay biến động (Hàm lượng Clo dư tự do, Độ đục...) đề nghị cơ sở cấp nước theo dõi chặt chẽ theo từng ca trực, thường xuyên kiểm soát chất lượng nước nguyên liệu để có kế hoạch điều chỉnh sản xuất cho phù hợp.

- Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo ngay cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

2. Đề nghị các ngành chức năng và chính quyền địa phương: Thường xuyên nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của cơ sở cấp nước.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Sở Nông Nghiệp & PTNT;
- UBND huyện Kiến Xương;
- UBND xã Hòa Bình;
- Cơ sở cấp nước xã Hòa Bình;
- TT Y tế Kiến Xương;
- Lưu VT, SKMT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Nhung

